

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN	8
1.1. Khái quát chung về pháp nhân	8
1.1.1. Lịch sử sơ lược hình thành pháp nhân	8
1.1.2. Khái niệm pháp nhân	9
1.1.3. Phân loại pháp nhân	11
1.2. Khái niệm điều lệ pháp nhân	13
1.3. Bản chất của điều lệ pháp nhân	17
1.3.1. Bản chất của Điều lệ pháp nhân theo pháp luật các nước	17
1.3.2. Bản chất Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam	19
1.4. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ pháp nhân	23
1.4.1. Xác lập Điều lệ pháp nhân	24
1.4.2. Thông qua Điều lệ pháp nhân	27
1.4.3. Sửa đổi Điều lệ pháp nhân	29
1.5. Nội dung cơ bản của điều lệ pháp nhân	31
1.6. Hiệu lực của điều lệ pháp nhân	36
1.6.1. Giá trị hiệu lực của Điều lệ pháp nhân đối với thành viên	36
1.6.2. Giá trị hiệu lực của Điều lệ pháp nhân đối với người thứ ba	37
Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	39
2.1. Quy định về điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam	39
2.1.1. Điều lệ của pháp nhân công	40
2.1.2. Điều lệ của pháp nhân tư	40
2.1.3. Điều lệ pháp nhân hội	43
2.2. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ pháp nhân	44
2.2.1. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ đối với pháp nhân công	45
2.2.2. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ đối với pháp nhân tư	46
2.2.3. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ đối với pháp nhân hội	47
2.3. Những bất cập của pháp luật điều chỉnh đối với điều lệ pháp nhân	48
2.3.1. Bất cập từ việc ban hành điều lệ mẫu của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân	48
2.3.2. Đề cao việc quản lý hành chính nhà nước đối với Điều lệ pháp nhân	50
2.3.3. Thiếu quy định điều chỉnh các thỏa thuận thành viên pháp nhân trước khi và sau khi hình thành pháp nhân	51
2.3.4. Bất cập từ việc ban hành văn bản pháp luật không thống nhất, chông chéo của cơ quan nhà nước	59
2.3.5. Bất cập quy định pháp luật quy định về nội dung Điều lệ pháp nhân	60
2.3.5.1. Bất cập quy định pháp luật về nội dung Điều lệ pháp nhân công	60
2.3.5.2. Bất cập quy định pháp luật về nội dung Điều lệ pháp nhân tư	62
2.3.5.3. Bất cập quy định pháp luật về nội dung Điều lệ pháp nhân hội	85
Chương 3: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN	89
TÍNH KHẢ THI CỦA ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN	
3.1. Thực trạng áp dụng điều lệ pháp nhân	89
3.1.1. Thực trạng áp dụng điều lệ của pháp nhân công	89
3.1.2. Thực trạng áp dụng điều lệ của pháp nhân tư	90
3.1.3. Thực trạng áp dụng điều lệ của pháp nhân hội	91
3.2. Đòi hỏi khách quan giải pháp nâng cao hiệu lực của điều lệ pháp nhân	92
3.2.1. Đòi hỏi khách quan hội nhập kinh tế quốc tế đối với hệ thống pháp luật trong nước	92
3.2.2. Đòi hỏi cần thiết của Điều lệ trong hoạt động pháp nhân	95
3.2.3. Đòi hỏi khách quan của bên thứ ba cần được pháp luật bảo vệ khi quan hệ với pháp nhân	96
3.2.4. Sự cần thiết từ góc độ quản lý nhà nước đối với hoạt động của pháp nhân	99
3.3. Phương hướng sửa đổi quy định pháp luật về điều lệ pháp nhân	101
3.3.1. Các nhà làm luật cần quy định rõ về loại hình pháp nhân	101
3.3.2. Công nhận giá trị pháp lý của việc phê duyệt Điều lệ pháp nhân trong các văn bản luật	101
3.3.3. Xây dựng đồng bộ và thống nhất quy định về Điều lệ pháp nhân	103
3.3.4. Xây dựng khung pháp lý cho các doanh nghiệp chưa chuyên đổi	106
3.3.5. Đảm bảo và tôn trọng quyền tự do thỏa thuận Điều lệ pháp nhân	110

3.3.6.	Xây dựng khung pháp lý đảm bảo sự tự do ý chí, tự chủ trong quản trị và điều hành pháp nhân theo Điều lệ	111
3.3.7.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin pháp nhân	115
	KẾT LUẬN	117
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	118

Thank you for trying PDF Suite

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Sự ra đời và phát triển của pháp nhân là dấu ấn quan trọng trong kỹ thuật lập pháp của mỗi hệ thống luật quốc gia. Trong hệ thống pháp luật đó có chứa đựng rất nhiều quy phạm điều chỉnh sự hình thành, phát triển và chấm dứt hoạt động của pháp nhân. Pháp nhân còn được gọi là "thực thể pháp luật", "thực thể hư cấu" của pháp luật. Ngoài sự điều chỉnh của pháp luật, pháp nhân còn chịu sự ràng buộc bởi quy ước của các thành viên. Quy ước đó được gọi dưới khái niệm là Bản thỏa thuận, Bản ghi nhớ, Điều lệ... của pháp nhân.

Từ cơ sở đó, Điều lệ giống như một bản hợp đồng có "tính chất quy định". Tuy nhiên, pháp nhân là thực thể hư cấu của pháp luật nên nó khác với các bản hợp đồng thông thường. Điều lệ có thể trưng ra cho những người thứ ba và buộc họ phải chấp nhận "tính chất đối kháng" khi giao dịch với pháp nhân.

Đối với các thành viên pháp nhân, Điều lệ là văn bản có ý nghĩa quan trọng, là "kim chỉ nam" cho toàn bộ hoạt động của pháp nhân. Nó là sợi dây liên kết, ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa thành viên với pháp nhân và các thành viên với nhau. Điều lệ được thể chế hóa các thỏa thuận về lợi ích của các thành viên, quyền và nghĩa vụ bên trong pháp nhân. Ngoài ra, Điều lệ pháp nhân cũng là văn bản pháp lý của doanh nghiệp nhằm đảm bảo quyền lợi đối với bên thứ ba khi quan hệ với pháp nhân đó.

Điều lệ được hình thành từ sự kết hợp của thỏa thuận thành viên và pháp luật thực định điều chỉnh. Vậy nên, để có một Điều lệ thích hợp và hiệu quả, pháp luật điều chỉnh pháp nhân phải thống nhất, đầy đủ và đúng thực tế. Ngoài ra, pháp luật cũng cần ghi nhận giá trị Điều lệ như là "pháp luật của pháp nhân". Từ đó, Điều lệ phát huy được vai trò trong điều hành, quản lý và giải quyết các mâu thuẫn của pháp nhân.

Ở nước ta hiện nay, hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh về Điều lệ như: cách thức xác lập, thông qua, sửa đổi, chấm dứt hiệu lực, áp dụng Điều lệ còn thiếu và không thống nhất. Từ đó, tranh chấp nội bộ pháp nhân và với bên thứ ba liên quan đến Điều lệ không thể giải quyết, ảnh hưởng đến uy tín và sự ổn định của pháp nhân.

Mặt khác, quy định pháp luật về Điều lệ pháp nhân hiện hành rất sơ sài, áp đặt, quy định ở nhiều văn bản khác nhau. Khi giải quyết tranh chấp, các cơ quan áp dụng pháp luật gặp nhiều vướng mắc, hạn chế quyền tự do, tự chủ trong quản lý và điều hành pháp nhân. Đặc biệt, pháp luật chưa có quy định về bảo vệ quyền và lợi ích của người thứ ba trong các giao dịch.

Yêu cầu của thực tế khách quan là cần một hệ thống quy phạm pháp luật thống nhất, đồng bộ điều chỉnh về Điều lệ pháp nhân.

Từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài "**Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam**" làm đề tài nghiên cứu. Thông qua đó, đề tài góp ý kiến nhỏ vào việc hoàn thiện chế định điều chỉnh về Điều lệ pháp nhân.

2. Tình hình nghiên cứu

Tính đến thời điểm hiện nay, ở nước ta đề tài nghiên cứu về pháp nhân đã thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều tác giả, dưới nhiều phương diện nghiên cứu và phạm vi khác nhau. Có thể đề cập đến một số bài viết như: *Học thuyết về đại diện và mấy vấn đề của pháp Luật Công ty Việt Nam* của Tiến sĩ Luật học Bùi Xuân Hải - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh - Tạp chí Khoa học Pháp luật, số 4(41)/2007; *Một số quan điểm về xây dựng Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư chung* của Nguyễn Tiến Lập - Tạp chí Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, số 36 tháng 04/2004; *Luật về mua bán doanh nghiệp: bình luận ngắn từ góc nhìn quản trị công ty* của PGS, TS. Phạm Duy Nghĩa - Khoa Luật, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; *Thỏa thuận cổ đông: một nội dung mới cho pháp Luật Doanh nghiệp Việt Nam* của TS. Nguyễn Quốc Vinh - Học viện Tư pháp - Bộ Tư pháp; *Sửa đổi Bộ luật Dân sự năm 2005: Vấn đề cải cách hợp đồng* của tác giả PGS.TS. Phạm Hữu Nghị - Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam; *Những nhầm lẫn và bất cập về thủ tục hợp đại hội đồng cổ đông* của Luật sư Trương Thanh Đức - Vibonline.com.vn; *Mối quan hệ giữa cam kết với WTO, Luật Doanh nghiệp và nghị quyết số 71/2006/QH11* của đồng tác giả TS. Phan Huy Hồng và PGS.TS Nguyễn Thái Phúc...

Tuy nhiên, các bài viết chỉ đề cập một khía cạnh của các chế định điều chỉnh về Điều lệ pháp nhân, chưa có bài luận văn nào nghiên cứu về vấn đề trên.

Vì vậy, việc lựa chọn đề tài "**Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam**" không trùng lặp với các đề tài nghiên cứu trước đó.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu: Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật về Điều lệ pháp nhân như: nội dung điều lệ, trình tự xác lập, thông qua, sửa đổi áp dụng, thực trạng áp dụng Điều lệ pháp nhân. Từ đó, tác giả đưa ra hướng hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về Điều lệ pháp nhân.

- Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

+ Nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về Điều lệ pháp nhân.

+ Phân tích, đánh giá những quy định về Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam như: nội dung điều lệ, trình tự xác lập, thông qua, sửa đổi áp dụng, thực trạng áp dụng. Từ đó, tác giả nêu được những hạn chế, bất cập, quy định chồng chéo giữa các quy định pháp luật quy định Điều lệ pháp nhân, cũng như những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và nguyên nhân của tình trạng này;

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tính khả thi của Điều lệ pháp nhân, đưa ra phương hướng sửa đổi, bổ sung của pháp luật về Điều lệ pháp nhân.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:*

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các quy định của pháp luật Việt Nam điều chỉnh về pháp nhân và Điều lệ pháp nhân: nội dung điều lệ, cách thức xác lập, thông qua, sửa đổi, chấm dứt, cách thức áp dụng và hiệu lực Điều lệ pháp nhân trong tồn tại và hoạt động của pháp nhân.

Bên cạnh đó, pháp luật một số nước trên thế giới về pháp nhân và Điều lệ pháp nhân cũng là đối tượng nghiên cứu của luận văn. Từ đó, chúng ta đưa ra cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về Điều lệ pháp nhân.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

Phạm vi nghiên cứu của luận văn được tập trung vào các trọng tâm sau đây:

+ Nghiên cứu về lý luận chung về pháp nhân và Điều lệ pháp nhân: Trong đó, tác giả tập trung nghiên cứu một cách khái quát về pháp nhân và Điều lệ pháp nhân; nội dung cơ bản, cách thức xác lập, thông qua, sửa đổi, chấm dứt và hiệu lực của Điều lệ pháp nhân.

+ Nghiên cứu những quy định về Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam như: quy định về nội dung điều lệ của các loại pháp nhân, trình tự xác lập, thông qua, sửa đổi chấm dứt Điều lệ pháp nhân công, pháp nhân tư và pháp nhân hội. Từ đó, tác giả phân tích và dẫn chứng những bất cập về pháp luật điều chỉnh đối với Điều lệ pháp nhân. Ngoài ra, luận văn còn đưa ra các dẫn chứng pháp luật của một số nước về Điều lệ pháp nhân để so sánh và đối chiếu với các quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Nghiên cứu về thực trạng áp dụng Điều lệ pháp nhân và đưa ra các giải pháp hoàn thiện tính khả thi của Điều lệ pháp nhân. Trong đó, luận văn chỉ ra thực trạng áp dụng quy định pháp luật điều lệ của pháp nhân, cơ quan quản lý nhà nước, người thứ ba trong quan hệ với pháp nhân. Từ đó, tác giả phân tích đòi hỏi khách quan giải pháp nâng cao hiệu lực của Điều lệ pháp nhân, phương hướng sửa đổi quy định pháp luật về Điều lệ pháp nhân.

Về phạm vi thời gian, luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về Điều lệ pháp nhân trong các văn bản luật Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành luận văn, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp tổng hợp, phân tích: Phương pháp này được sử dụng để tập hợp và phân tích các quy định của pháp luật về Điều lệ pháp nhân, cũng như các thông tin về thực tiễn áp dụng. Đồng thời, phương pháp này còn được sử dụng để có được các nhận xét, đánh giá trình bày trong luận văn.

- Phương pháp diễn dịch, quy nạp được tác giả phân tích, chứng minh các luận điểm, quy định pháp luật, các dẫn chứng chứng minh để nghiên cứu nội dung của luận văn.

- Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp: Thông tin thứ cấp được thu thập chủ yếu là các quy định của cơ quan nhà nước. Nguồn thông tin này thu thập chủ yếu qua Công báo, các trang web của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, thông qua các quyết định, báo cáo, các ý kiến chỉ đạo, bài viết của các nhà chuyên môn, tạp chí, internet... để lấy thông tin, số liệu liên quan đến pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật về Điều lệ pháp nhân.

- Phương pháp thống kê: Phương pháp này được sử dụng nhằm xử lý các tài liệu, thông tin thống kê, báo cáo mà trong quá trình nghiên cứu. Qua đó, có các số liệu, thông tin tin cậy trình bày trong báo cáo của luận văn.

- Phương pháp so sánh: Dẫn chứng, trích dẫn của pháp luật nước ngoài được tác giả khai thác để so sánh pháp luật trong nước. Từ đó, tác giả đưa ra quan điểm khoa học của mình để góp phần nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật.

6. Những đóng góp mới về khoa học và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam về Điều lệ pháp nhân. Thông qua việc nghiên cứu lý luận chung về pháp nhân, Điều lệ pháp nhân, phân tích và đánh giá về thực trạng áp dụng quy định pháp luật điều chỉnh, luận văn góp phần vào việc hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn pháp luật về Điều lệ pháp nhân. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng của Điều lệ pháp nhân.

Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu và kiến nghị của luận văn còn có thể được các pháp nhân ứng dụng vào thực tiễn trong việc xác lập, thông qua và sửa đổi, chấm dứt và xác định hiệu lực điều lệ của mình.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về Điều lệ pháp nhân.

Chương 2: Những quy định về Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

Chương 3: Thực trạng áp dụng Điều lệ pháp nhân và các giải pháp hoàn thiện tính khả thi của Điều lệ pháp nhân.

Chương 1

VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN

1.1. Khái quát chung về pháp nhân

1.1.1. Lịch sử sơ lược hình thành pháp nhân

Trong quan hệ dân sự, thành phần tham gia tương đối đa dạng như cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình. Pháp nhân được coi là "thực thể hư cấu" mà pháp luật tạo ra. Nguồn gốc của pháp nhân được hình thành từ thời La Mã cổ đại. Pháp nhân được hình thành từ những phường, hội, nhà thờ, xưởng thủ công... hoạt động mang tính ổn định, có sự gắn kết giữa những cá nhân. Ban đầu, tài sản của "tổ chức" này do các thành viên đóng góp. Khi tan rã, tài sản được trả lại cho các thành viên theo phần mà họ đã góp. Về sau, một số "tổ chức" như nhà thờ, nhà hát ... không phải của riêng ai. Nó tồn tại độc lập mà không phụ thuộc vào thành viên tham gia, giao dịch của "tổ chức" này thông qua người đại diện nhân danh. Tuy nhiên, pháp luật vẫn chưa có khái niệm pháp nhân.

Trong xã hội phong kiến, việc phân chia lao động tiếp tục phát triển và hình thành ngày càng nhiều các "tổ chức". Tuy nhiên, pháp luật vẫn chưa ghi nhận chủ thể pháp nhân trong đời sống dân sự.

Thời kỳ tư bản chủ nghĩa, sản xuất hàng hóa chế ngự nền kinh tế. Trong điều kiện đó, chế ngự địa vị pháp lý của các tổ chức bằng pháp luật được chú trọng. Từ nhu cầu giao thương giữa các vùng miền, phân chia lợi nhuận của các tổ chức là yếu tố thúc đẩy cần có quy định pháp luật điều chỉnh. Khái niệm pháp nhân được hình thành thời kỳ này. Tuy nhiên, khái niệm pháp nhân của mỗi hệ thống pháp luật quốc gia là khác nhau. Nhưng nhìn chung, pháp luật công nhận sự tồn tại của pháp nhân giống như các thể nhân trong quan hệ dân sự, thương mại.

1.1.2. Khái niệm pháp nhân

Pháp luật dân sự đưa ra khái niệm pháp nhân khi tổ chức được hội tụ của các điều kiện. Cụ thể:

Thứ nhất, pháp nhân phải được thành lập hợp pháp.

Thứ hai, pháp nhân tồn tại độc lập không phụ thuộc vào sự thay đổi các thành viên pháp nhân đó.

Thứ ba, pháp nhân có tài sản độc lập và chịu trách nhiệm độc lập về tài sản, có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản.

Thứ tư, pháp nhân có quyền khởi kiện nguyên đơn và bị đơn trước Tòa án và thực hiện các hành vi pháp lý nhân danh mình.

Đối với Việt Nam, pháp nhân được hình thành muộn. Trong xã hội phong kiến, các phường, hội trong hoạt động thương mại cũng hình thành rất sớm. Tuy nhiên, nền kinh tế thuần nông, tính chất làng, xã trong quan hệ dân sự được đề cao. Do vậy, khái niệm pháp nhân trong pháp luật phong kiến không được đề cập. Trong thời kỳ Pháp thuộc, các nhà

xương của tư bản nước ngoài cũng hình thành và phát triển, nhưng quy định về pháp nhân cũng không được ghi nhận nhiều trong văn bản luật.

Sau khi thống nhất đất nước, việc ra đời của các văn bản luật như: Thông tư số 525 ngày 26/3/1975 của Trọng tài kinh tế nhà nước, Nghị định số 17 ngày 16/01/1990 - các điều kiện để tổ chức trở thành pháp nhân được ghi nhận mang tính chất chung chung và bao quát cho mọi dạng pháp nhân.

Các nhà nghiên cứu pháp luật đưa ra khái niệm pháp nhân như sau: *Pháp nhân là một tổ chức thống nhất, độc lập, hợp pháp có tài sản riêng và chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình, nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.*

1.1.3. Phân loại pháp nhân

Phân loại pháp nhân có thể dựa trên các tiêu chí khác nhau như: nhiệm vụ, mục đích, chủ sở hữu pháp nhân... Tuy nhiên, để phục vụ việc nghiên cứu, tác giả dựa vào tiêu chí mục đích hoạt động của pháp nhân để phân biệt pháp nhân thành:

- *Pháp nhân công*: Pháp nhân công được hiểu là được chủ thể là nhà nước thành lập có mục đích hoạt động là vì lợi ích chung của cộng đồng, xã hội, duy trì trật tự xã hội mà Nhà nước thiết lập.

- *Pháp nhân tư*: Pháp nhân tư có mục đích hoạt động là vì lợi ích tư nhân. Sự hình thành pháp nhân từ những thể nhân, pháp nhân có chung mục đích là tìm kiếm lợi nhuận mang tính cá nhân. Các pháp nhân này hầu hết là các tổ chức kinh tế hoạt động trong các lĩnh vực. Các thành viên pháp nhân hình thành mối quan hệ hợp đồng, cùng xây dựng pháp nhân để thực hiện mục đích đầu tư và kiếm tìm lợi nhuận.

- *Pháp nhân hội*: Pháp nhân hội là tổ chức có tư cách pháp nhân, được đăng ký hoạt động được ra đời dựa trên quyền công dân được ghi trong Hiến pháp. Cách hiểu đơn giản nhất về pháp nhân hội là một nhóm người làm việc chung với nhau. Hiểu rộng hơn là nhiều người tập hợp thành một nhóm, ban, hội, đoàn nhằm mục đích điều hành hay quản lý một công việc nào đó.

1.2. Khái niệm điều lệ pháp nhân

Điều lệ pháp nhân là một văn bản quan trọng của pháp nhân khi hình thành cũng như trong quá trình hoạt động. Pháp nhân hoạt động hợp pháp khi thỏa thuận Điều lệ cũng phải hợp pháp. Có nghĩa rằng, Điều lệ phải được cơ quan có thẩm quyền Nhà nước công nhận dưới nhiều hình thức: chấp thuận, phê duyệt, đăng ký...

Điều lệ là văn bản ghi nhận tổng thể về pháp nhân như: tên gọi, trụ sở, mục đích hoạt động, cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy, quyền và lợi ích của thành viên, cách thức xác lập, sửa đổi, chấm dứt điều lệ, cách thức giải thể pháp nhân... Điều lệ được xem là "luật định" của pháp nhân.

Điều lệ ghi nhận ý chí của thành viên khi tham gia vào việc xác lập, thông qua, thực hiện và sửa đổi điều lệ. Chính vì thế, Điều lệ pháp nhân là căn cứ pháp lý quan trọng, kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của thành viên và quản trị pháp nhân. Điều lệ pháp nhân cũng xác định giới hạn hoạt động của pháp nhân: vốn, lĩnh vực hoạt động, thành viên, quyền và nghĩa vụ của thành viên, người đại diện, cơ quan điều hành. Ngoài ra, thông qua điều lệ cũng biểu đạt ý chí của thành viên trong mối quan hệ với người thứ ba.

Điều lệ hợp pháp về nội dung phải đảm bảo các yêu cầu:

- + Không được trái pháp luật;
- + Không được xâm phạm tới lợi ích của bên thứ ba;
- + Tự nguyện và thỏa thuận trong giới hạn pháp luật quy định.

1.3. Bản chất của điều lệ pháp nhân

1.3.1. Bản chất của Điều lệ pháp nhân theo pháp luật các nước

Điều lệ pháp nhân theo quan điểm một số nước theo hệ thống pháp luật common law, La Mã - Đức thì bản chất của Điều lệ pháp nhân được ghi nhận là thỏa thuận hợp đồng.

Với ghi nhận bản chất của Điều lệ là hợp đồng, pháp luật có thể hướng tới điều chỉnh hiệu quả đối với pháp nhân. Từ đó, nó góp phần quan trọng trong việc xác định giá trị pháp lý của điều lệ trong hình thành và tồn tại của pháp nhân.

1.3.2. Bản chất Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam

Hiện nay, có nhiều quan điểm trái ngược nhau của các nhà làm luật, các nhà nghiên cứu xoay quanh vấn đề điều lệ của pháp nhân là hợp đồng hay nội quy, quy chế của pháp nhân. Pháp luật Việt Nam đến nay cũng chưa có chế định nào quy định Điều lệ pháp nhân là hợp đồng hay là nội quy. Văn bản hiến pháp của hầu hết các nước có nền kinh tế thị trường thường ghi nhận tự do kinh tế, tự do khế ước và tự do lập hội của công dân. Và tiếp đó, các đạo luật dân sự luôn có qui định cụ thể về

khé ước lập hội. Trên các cơ sở đó, các đạo luật về thương mại và Luật Doanh nghiệp xây dựng chi tiết về quyền đó của công dân. Tuy nhiên, Hiến pháp 1992 và Bộ luật Dân sự hiện hành của Việt Nam chưa thể hiện được vấn đề trên.

- *Quan niệm cho rằng Điều lệ pháp nhân là nội quy*

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam không phân loại pháp nhân công và tư như các nước trên thế giới. Mặt khác do xuất phát từ tư tưởng quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, loại hình pháp nhân chỉ có Nhà nước được thành lập. Nhà nước giao cho tập thể lãnh đạo công ty và quản lý nguồn vốn. Do vậy, cơ quan chủ quản ban hành, phê duyệt điều lệ cho những tập thể đại diện quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Thứ hai, pháp nhân thuộc sở hữu nhà nước thụ động thực hiện kế hoạch trong sản xuất, không có tính chất tìm kiếm đối tác và thiết lập các quan hệ đối tác. Vậy nên, Điều lệ không được quan niệm là có "tính đối kháng" là điều dễ hiểu.

Thứ ba, xuất phát từ tư duy của người làm luật và coi trọng mục đích đơn nhất của cơ quan nhà nước là quản lý hành chính đối với pháp nhân. Chính vì lẽ đó mà các thỏa thuận của các thành viên pháp nhân cũng phải xoay quanh mong muốn của nhà làm luật và áp dụng pháp luật là hiệu quả quản lý chứ không phải là hiệu quả của thỏa thuận trong điều lệ.

- *Quan điểm cho rằng Điều lệ pháp nhân là hợp đồng*

Cho đến nay, thông qua các quy định pháp luật về điều lệ thì nhà làm luật Việt Nam không đề cập vấn đề Điều lệ pháp nhân là hợp đồng hay không phải là hợp đồng.

Điều lệ pháp nhân là một thỏa thuận ràng buộc của các cá nhân sáng lập khi cùng hướng tới mục đích thành lập pháp nhân, có mục tiêu, lợi ích nhất định. Nhìn ở góc độ pháp lý, Điều lệ pháp nhân giống như một bản hợp đồng có "tính chất quy định". Tuy nhiên, vì pháp nhân là "tổ chức do luật pháp đặt ra" nên khác với các bản hợp đồng thông thường, bản điều lệ có thể trưng ra được cho những người thứ ba và buộc họ phải chấp nhận "tính chất đối kháng" khi giao dịch với công ty.

Bộ luật Dân sự 2005 với tư cách là bộ luật nguồn không đề cập vấn đề quan hệ pháp nhân có phải hợp đồng hay không. Nhưng xét về bản chất quan hệ thì khi nhiều thể nhân, pháp nhân cùng có dự định và cùng tham gia xây dựng một pháp nhân xuất phát từ sự tự nguyện thỏa thuận và cam kết. Dựa vào quy định của pháp luật, họ tự xây dựng nên chuẩn mực chung tại bản Điều lệ của pháp nhân. Như vậy, ở một góc độ nào đó, pháp luật cũng ghi nhận Điều lệ pháp nhân mang dấu ấn của hợp đồng.

Luật Doanh nghiệp 1999 ra đời, các nhà làm luật và cơ quan quản lý nhà nước lại đưa ra điều lệ mẫu cho tất cả các pháp nhân đăng ký phải tuân thủ trong việc soạn thảo và thông qua. Trong điều lệ mẫu phải có đủ các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 22 của Luật Doanh nghiệp. Nếu có các điều khoản mà thành viên pháp nhân thỏa thuận ngoài điều lệ mẫu thì được coi là không hợp lệ và ngay lập tức cơ quan phê duyệt hay đăng ký không chấp thuận và yêu cầu chỉnh sửa.

Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã có nét đột phá khi đi theo hướng chỉ quy định những vấn đề cơ bản, có tính nguyên tắc về nhiều nội dung trong quản trị nội bộ doanh nghiệp, cho phép điều lệ công ty quy định thêm những vấn đề cụ thể để đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có quyền quy định trong điều lệ của mình các quan hệ ứng xử nội bộ và cách thức quản lý, điều hành cụ thể trong hoạt động nội bộ của doanh nghiệp.

Pháp luật Việt Nam chưa có sự thừa nhận điều lệ là hợp đồng song sau các lần ban hành và sửa đổi pháp luật về doanh nghiệp thì ngày càng thể hiện rõ tinh thần coi điều lệ là một hợp đồng.

Theo quan điểm của tác giả cho rằng bản chất Điều lệ pháp nhân là hợp đồng. Bởi lẽ, nền kinh tế thị trường trao quyền tự chủ về đầu tư, khai thác lợi ích về tài sản và tự chủ của pháp nhân nhằm duy trì trật tự xã hội, tìm kiếm lợi nhuận của đầu tư; quyền tự do lập hội với các mục đích hợp pháp... Vậy nên, các thể nhân và pháp nhân lựa chọn các hình thức để quy tụ nguồn lực thông qua thỏa thuận điều lệ. Do vậy, vấn đề tự do ý chí của các thành viên pháp nhân là mấu chốt để lựa chọn hình thức phù hợp để hợp tác và ban hành văn bản xây dựng và quản lý pháp nhân. Chính vì vậy, thỏa thuận trong điều lệ cần có những đặc thù riêng giữa pháp nhân này với pháp nhân khác nhằm để quản lý, điều hành và giải quyết tranh chấp phù hợp. Pháp luật không nên quy định các thỏa thuận khuôn mẫu, cứng nhắc, không khả thi.

1.4. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ pháp nhân

1.4.1. Xác lập Điều lệ pháp nhân

Điều lệ pháp nhân xác lập thông qua một trình tự nhất định. Tùy thuộc vào loại hình pháp nhân khác nhau, điều lệ có cách thức xác lập khác nhau. Cụ thể:

- Xác lập điều lệ của pháp nhân công;

- Xác lập điều lệ của pháp nhân tư;
- Xác lập điều lệ của pháp nhân hội.

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được

1.4.2. Thông qua Điều lệ pháp nhân

Thông qua Điều lệ pháp nhân bao gồm:

- Thông qua Điều lệ pháp nhân công
- Thông qua Điều lệ pháp nhân tư
- Thông qua Điều lệ pháp nhân hội

1.4.3. Sửa đổi Điều lệ pháp nhân

Pháp nhân hoạt động, phát triển kéo theo nhu cầu thay đổi các nội dung điều lệ. Một mặt, pháp luật quy định pháp nhân được sửa đổi điều lệ. Mặt khác, nội dung điều lệ cũng quy định về cách thức sửa đổi điều lệ khi có yêu cầu được thông qua. Tuy nhiên, sửa đổi điều lệ áp dụng cho từng loại pháp nhân lại có điểm khác biệt.

1.5. Nội dung cơ bản của điều lệ pháp nhân

Pháp nhân xác lập điều lệ phải đảm bảo các nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, tên của pháp nhân. Tên được coi là yêu cầu đầu tiên khi xác lập điều lệ. Tên gọi nhằm phân biệt giữa pháp nhân này và pháp nhân khác. Lợi ích đưa ra tên gọi pháp nhân là: để xác định tư cách và loại hình pháp nhân thông qua tên; nhân danh bằng tên gọi khi giao dịch với các bên liên quan; là thương hiệu trong hoạt động thương mại, quảng bá; xác định trách nhiệm pháp lý trước cơ quan nhà nước và bên đối tác của pháp nhân...

Thứ hai, trụ sở pháp nhân. Trụ sở là nơi pháp nhân hoạt động chính, các thành viên làm việc, cơ quan nhà nước và các đối tác của pháp nhân liên hệ, tổng đạt các giấy tờ.

Thứ ba, mục tiêu và lĩnh vực hoạt động. Đây là vấn đề rất quan trọng bởi các lý do sau: Mục tiêu và lĩnh vực hoạt động là yếu tố xác định loại pháp nhân đó là pháp nhân công, pháp nhân tư hay pháp nhân hội. Qua đó ta xác định pháp luật điều chỉnh pháp nhân đó là gì (luật công, luật tư...). Lĩnh vực hoạt động của pháp nhân nhằm đưa ra năng lực, tính khả thi và hợp pháp của pháp nhân.

Thứ tư, vốn và tài sản của pháp nhân. Muốn xác định năng lực tài chính và khả năng chịu trách nhiệm bằng tài sản của pháp nhân phải thông qua vốn và tài sản. Vốn và tài sản pháp nhân được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau: được chu cấp từ ngân sách nhà nước, vốn góp của thành viên, vốn từ lợi nhuận, khoản vay...

Thứ năm, người đại diện pháp nhân. Pháp nhân là "thực thể hư cấu". Hoạt động của pháp nhân thông qua người đại diện. Người đại diện được các thành viên và pháp luật trao quyền và nghĩa vụ, nhân danh pháp nhân để giao dịch với cơ quan nhà nước, đối tác, đại diện pháp nhân tại cơ quan tài phán...

Thứ sáu, cơ cấu tổ chức của pháp nhân. Pháp nhân là một tổ chức. Do vậy, bộ máy điều hành của pháp nhân phải được thể hiện trong điều lệ. Cơ cấu tổ chức pháp nhân được phân cấp theo từng thứ bậc và có nhiệm vụ khác nhau. Giữa các bộ phận có sự liên kết và cùng chịu sự điều hành của người đại diện.

Thứ bảy, quyền và nghĩa vụ của thành viên. Các thành viên pháp nhân được hưởng quyền và nghĩa vụ từ mọi hoạt động của pháp nhân mang lại. Đối với pháp nhân công, tất cả cá nhân hoạt động trong pháp nhân đều phải tuân thủ theo điều lệ và được hưởng các quyền lợi do điều lệ quy định. Đối với pháp nhân tư, quyền và nghĩa vụ thành viên được xác định đối với thành viên góp vốn được xác định tại danh sách thành viên của pháp nhân. Đối với pháp nhân hội, các thành viên tham gia chấp nhận điều lệ hội có nghĩa vụ và quyền lợi được quy định chi tiết tại điều lệ.

Thứ tám, thể thức thông qua quyết định, nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ. Trong hoạt động, các quyết định liên quan pháp nhân phải được thông qua bởi các cơ quan của pháp nhân. Tùy thuộc vào loại quyết định, điều lệ quy định thẩm quyền phê duyệt và thông qua các quyết định của pháp nhân.

Thứ chín, các trường hợp giải thể, thủ tục thanh lý tài sản của pháp nhân. Điều lệ quy định các trường hợp giải thể của pháp nhân. Có nhiều trường hợp giải thể của pháp nhân: hoặc thành viên thỏa thuận, hoặc luật định. Giải thể và thanh lý tài sản pháp nhân được thực hiện theo trình tự quy định tại điều lệ.

Thứ mười, thể thức sửa đổi điều lệ. Điều lệ là "hiến pháp" của pháp nhân. Tuy nhiên, điều lệ có thể được sửa đổi bất cứ khi nào nếu đạt yêu cầu của tỷ lệ thành viên nhất trí, hoặc do cơ quan chủ quản đề nghị. Sửa đổi điều lệ được thực hiện theo trình tự quy định tại điều lệ và luật định.

1.6. Hiệu lực của điều lệ pháp nhân

1.6.1. Giá trị hiệu lực của Điều lệ pháp nhân đối với thành viên

Điều lệ pháp nhân được xác lập và có hiệu lực trước hết là các thành viên pháp nhân đó. Điều lệ là văn bản truyền tải và ghi nhận ý chí và thống nhất ý chí của thành viên pháp nhân. Chính vì thế, Điều lệ pháp nhân trước hết là căn cứ pháp lý đối với tất cả thành viên pháp nhân.

Điều lệ có hiệu lực kể từ khi được cơ quan nhà nước phê chuẩn hoặc được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi đó, các thành viên của pháp nhân phải tuân thủ các điều khoản đó ghi nhận trong điều lệ như: tư cách thành viên, quyền và nghĩa vụ, tổ chức và hoạt động, giải quyết tranh chấp, sửa đổi và bổ sung điều lệ...

Điều lệ pháp nhân là căn cứ pháp lý quan trọng trong mọi hoạt động của pháp nhân, là căn cứ giải quyết tranh chấp giữa các thành viên với pháp nhân, giữa thành viên với nhau. Đối với pháp nhân tư, điều lệ là sự cụ thể hóa của luật vào từng pháp nhân khác nhau.

Tương tự, đối với pháp nhân hội, điều lệ là thỏa thuận mang tính tập thể, lợi ích của các thành viên hòa vào lợi ích chung, hoạt động có tôn chỉ rõ ràng. Vậy nên khi các thành viên tranh chấp hoặc không tán thành với lãnh đạo hội, điều lệ là căn cứ trước tiên để tham chiếu giải quyết tranh chấp.

1.6.2. Giá trị hiệu lực của Điều lệ pháp nhân đối với người thứ ba

Điều lệ của pháp nhân ngoài chức năng là căn cứ điều chỉnh nội bộ giữa các thành viên của pháp nhân. Nó còn có giá trị quan trọng đối với người thứ ba.

Thứ nhất, xuất phát từ "tính chất đối kháng" của một văn bản thỏa thuận của các thành viên pháp nhân. Thông qua nội dung điều lệ, cá nhân, tổ chức, cơ quan chức năng nhận biết được sự tồn tại của pháp nhân, loại hình, cơ cấu của pháp nhân. Đặc biệt là vấn đề vốn, cách thức góp vốn và vấn đề đại diện của pháp nhân trong từng trường hợp.

Thứ hai, thông qua Điều lệ pháp nhân, người thứ ba trong quan hệ với pháp nhân tìm ra được các thỏa thuận nội bộ của từng thành viên và thỏa thuận đó có ảnh hưởng như thế nào nếu người thứ ba tham gia vào quan hệ với pháp nhân. Và cũng thông qua đó, họ hiểu được họ có được bảo vệ hoặc bị xâm hại bởi những thỏa thuận trước đó của một đối tác.

Như vậy, Điều lệ pháp nhân là văn bản pháp lý quan trọng của pháp nhân. Một điều lệ có chất lượng tốt khi đảm bảo được hai yêu cầu: hợp pháp và đảm bảo quyền lợi của các thành viên pháp nhân.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.1. Quy định về điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt Nam

Tại Bộ luật Dân sự 2005, pháp nhân được quy định tại Chương IV, từ Điều 84 đến Điều 99. Nội dung điều lệ được quy định tại Điều 88 Bộ luật.

Bộ luật Dân sự đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh pháp nhân và Điều lệ pháp nhân. Từ đó, nó góp phần thúc đẩy sự phát triển của các loại hình pháp nhân, đa dạng về chủ thể trong phát triển xã hội, mang lại hiệu quả cho cộng đồng và quốc gia. Tác giả luận văn nghiên cứu điều lệ theo góc độ phân loại sau đây.

2.1.1. Điều lệ của pháp nhân công

Pháp nhân công có những đặc thù nhất định: hoạt động về lợi ích công cộng, duy trì an ninh và trật tự xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận, chủ sở hữu là Nhà nước - chủ thể đặc biệt...

Vì vậy, Điều lệ pháp nhân công chứa đựng các nội dung sau: Tên pháp nhân; Mục tiêu hoạt động; Tài chính pháp nhân, nguyên tắc sử dụng vốn; Quan hệ giữa pháp nhân và cơ quan chủ quản; Cơ cấu tổ chức quản lý; Người đại diện theo pháp luật; Các trường hợp tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi và thủ tục thanh lý tài sản của pháp nhân; Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Các quy định khác do cơ quan, tổ chức được ủy quyền Nhà nước quy định nhưng không được trái pháp luật.

2.1.2. Điều lệ của pháp nhân tư

Bản chất của pháp nhân tư là quan hệ mang tính hợp đồng, vì lợi ích tư. Lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu của loại pháp nhân này. Vậy nên, điều lệ là một hình thức để ghi nhận và truyền tải các thỏa thuận của thành viên. Vậy nên, tự do ý chí, tự do thỏa thuận nội dung điều lệ là điều rất quan trọng.

Pháp nhân tư được hiểu là các pháp nhân hoạt động dưới hình thức: các loại hình công ty, hợp tác xã. Pháp luật điều chỉnh chủ yếu là: Luật Doanh nghiệp, Luật hợp tác xã, Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, Luật luật sư...

Ở nước ta, pháp nhân được hình thành từ rất sớm. Tuy nhiên, sự ra đời của Luật Công ty 1990, Luật Đầu tư nước ngoài thì pháp nhân mới được điều chỉnh bằng pháp luật hoàn chỉnh. Kế tiếp đó, hàng loạt các văn bản luật được ban hành điều chỉnh pháp nhân và điều lệ được ra đời như: Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật hợp tác xã...

Như vậy, Điều lệ pháp nhân tư được điều chỉnh của rất nhiều văn bản luật khác nhau. Tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động, yêu cầu về nội dung điều lệ cũng có điểm khác nhau. Ngoài các chế định điều chỉnh sự hình thành, hoạt động, chấm dứt pháp nhân, pháp nhân còn chịu điều chỉnh của các chế định pháp luật khác như: Luật Thuế, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Bảo vệ môi trường...

2.1.3. Điều lệ pháp nhân hội

Pháp nhân hội được chia thành hai nhóm: pháp nhân hội công và pháp nhân hội tư.

Pháp nhân Hội quy định tại Điều 2 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/04/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Pháp nhân hội nói chung hoạt động phải tuân thủ điều lệ. Điều lệ hội hợp pháp phải chứa đựng nội dung luật định và phải được sự phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân cấp tỉnh). Điều lệ hội phải có đủ nội dung cơ bản quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/04/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2.2. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ pháp nhân

2.2.1. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ đối với pháp nhân công

Đối với pháp nhân công việc xác lập điều lệ được gắn liền với thủ tục thành lập pháp nhân. Xuất phát từ nguồn gốc của pháp nhân công là bằng quyết định hành chính thành lập pháp nhân, mục thực hiện nhiệm vụ công cộng. Do vậy, nội dung điều lệ đáp ứng được các nội dung luật định và được phê chuẩn, phê duyệt về nội dung bằng quyết định mang tính hành chính của cơ quan chủ quản. Điều lệ có hiệu lực thi hành kể từ khi được cơ quan chủ quản phê duyệt, chuẩn y.

2.2.2. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ đối với pháp nhân tư

Bản chất pháp nhân tư là quan hệ hợp đồng. Điều lệ là cách thức biểu đạt những thỏa thuận của các thành viên pháp nhân. Thành viên, cổ đông, chủ sở hữu căn cứ vào mục tiêu, phương hướng hoạt động của pháp nhân và pháp luật điều chỉnh để xác lập nên nội dung Điều lệ pháp nhân. Nội dung cơ bản của Điều lệ được quy định tại Điều 22 Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều 12 Luật Hợp tác xã. Ngoài ra, sáng lập viên có thể thỏa thuận các Điều khoản và nội dung khác đảm bảo phù hợp với đặc thù và thuận lợi trong việc quản lý và điều hành pháp nhân. Các quyền cụ thể của thành viên pháp nhân và các mô hình quản trị pháp nhân cũng được các văn bản này quy định.

2.2.3. Xác lập, thông qua, sửa đổi và chấm dứt điều lệ đối với pháp nhân hội

Theo quy định, pháp nhân hội thành lập và hoạt động phải có điều lệ hội. Điều lệ hội được các sáng lập viên xác lập và nộp kèm hồ sơ thành lập hội gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân) đề nghị cho phép thành lập. Sau khi xem xét tính hợp pháp của điều lệ và hội dự định thành lập, cơ quan nhà nước cấp phép thành ra quyết định phê duyệt điều lệ hội và cho phép thành lập hội.

2.3. Những bất cập của pháp luật điều chỉnh đối với điều lệ pháp nhân

2.3.1. Bất cập từ việc ban hành điều lệ mẫu của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân

Điều lệ là văn bản quan trọng của pháp nhân. Pháp nhân công, pháp nhân tư, pháp nhân hội khi xác lập điều lệ phải dựa trên cơ sở của rất nhiều văn bản luật chung: Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật hợp tác xã, các luật thuế... ngoài ra còn có luật chuyên ngành như Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật các tổ chức tín dụng, Luật đất đai... Điều đó chứng minh rằng một bản điều lệ mà phù hợp với pháp nhân là một sự tổng hợp giữa quy định pháp luật và điều kiện đặc thù của loại hình pháp nhân.

Việc các cơ quan nhà nước ban hành điều lệ mẫu, quy định mang tính can thiệp, quy định đóng khung ở các điều khoản, tỷ lệ đã làm biến điều lệ không còn là thỏa thuận độc lập của những thành viên pháp nhân mà có sự "tham gia vô hình" của cơ quan quản lý nhà nước.

Ban hành Điều lệ mẫu dẫn đến việc hiểu và áp dụng của cơ quan quản lý đã gây không ít khó khăn cho pháp nhân khi xác lập, sửa đổi điều lệ. Để phù hợp với các đòi hỏi của cơ quan quản lý, pháp nhân phải thực hiện việc sao chép

điều lệ mẫu thành điều lệ của mình. Điều đó hoàn toàn không thích hợp với bản chất của pháp nhân tư: đề cao tự do ý chí, tự do thỏa thuận.

2.3.2. Đề cao việc quản lý hành chính nhà nước đối với Điều lệ pháp nhân

Pháp nhân là thực thể do pháp luật tạo ra. Quản lý pháp nhân khác với quản lý và điều chỉnh thể nhân. Từ góc độ đó, các nhà làm luật và quản lý luôn hướng tới quản lý pháp nhân sao cho hiệu quả nhất. Chính vì thế, khi cho phép thành lập pháp nhân, Điều lệ pháp nhân là một yêu cầu cần thiết trong hồ sơ. Cơ quan cấp phép luôn yêu cầu, điều lệ phải được chỉnh sửa sao cho khuôn mẫu theo cách hiểu của họ.

Điều lệ mang tính quy định đối với thành viên và tính đối kháng với bên thứ ba. Mặt khác, nó cũng chứa đựng những thông tin về pháp nhân một cách trọn vẹn nhất. Chính vì thế, điều lệ phải là tài liệu công khai của pháp nhân. Bất cứ cá nhân, tổ chức nào cũng có quyền cung cấp thông tin về Điều lệ pháp nhân từ cơ quan cấp phép khi có nhu cầu.

Pháp luật không có quy định nào xác định về giá trị của Điều lệ pháp nhân. Cho nên, giá trị điều lệ chỉ đơn thuần là tài liệu khi thành lập pháp nhân. Và cũng từ đó, cơ quan Tòa án cũng xem nhẹ giá trị của điều lệ khi giải quyết tranh chấp.

Như vậy, đề cao quản lý hành chính trong các quy định pháp luật đối với điều lệ đã ảnh hưởng lớn đối với pháp nhân. Tranh chấp nội bộ thành viên và bên thứ ba thiếu cơ sở pháp lý để giải quyết.

2.3.3. Thiếu quy định điều chỉnh các thỏa thuận thành viên pháp nhân trước khi và sau khi hình thành pháp nhân

Bản chất quan hệ pháp nhân tư và pháp nhân hội pháp nhân là quan hệ hợp đồng. Đối với pháp nhân tư trước khi pháp nhân được hình thành, các thành viên có những thỏa thuận liên quan đến việc hình thành pháp nhân trong tương lai như: góp vốn, cách thức góp vốn, tài sản, lĩnh vực hoạt động, phân chia quyền hạn, bổ nhiệm chức vụ, ký kết các hợp đồng, thỏa thuận chuyển nhượng vốn giữa các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập trong tương lai; vấn đề bảo mật thông tin giữa các nhà đầu tư; những cam kết riêng lẻ về những vấn đề hợp tác đầu tư giữa các bên trong tương lai...

Pháp luật hiện hành thiếu các quy phạm điều chỉnh về các thỏa thuận của các thành viên pháp nhân trước khi pháp nhân hình thành. Từ sự thiếu quy định điều chỉnh của pháp luật đến việc áp dụng không thống nhất khi giải quyết các tranh chấp, đã gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của thành viên pháp nhân.

2.3.4. Bất cập từ việc ban hành văn bản pháp luật không thống nhất, chồng chéo của cơ quan nhà nước

Hoàn thiện hệ thống pháp luật đang là sự nỗ lực của các nhà làm luật nước ta. Bằng chứng là chúng ta đang luật hóa trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội mà trước đây không có luật điều chỉnh hoặc được điều chỉnh bằng các văn bản dưới luật. Cụ thể, Bộ luật Dân sự, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Luật sư, Luật Xây dựng, Luật Bảo hiểm, Luật thuế... ra đời đã góp phần tạo sự bình đẳng giữa các pháp nhân. Tuy nhiên, ban hành văn bản không thống nhất, chồng chéo đang là thực trạng hiện nay.

2.3.5. Bất cập quy định pháp luật quy định về nội dung Điều lệ pháp nhân

2.3.5.1. Bất cập quy định pháp luật về nội dung Điều lệ pháp nhân công

Những bất cập quy định pháp luật về nội dung Điều lệ pháp nhân công thể hiện ở những điểm sau:

- + Thiếu quy định pháp luật điều chỉnh nội dung Điều lệ pháp nhân công.
- + Bất cập về khung pháp lý điều chỉnh pháp nhân công sau khi chuyển đổi.

2.3.5.2. Bất cập quy định pháp luật về nội dung Điều lệ pháp nhân tư

Các bất cập của pháp luật về nội dung điều lệ được thể hiện ở những nội dung sau đây:

- Bất cập về quy định đặt tên pháp nhân tư.
- Bất cập về quy định phạm vi, ngành nghề kinh doanh của pháp nhân tư.
- Bất cập về quy định vốn điều lệ của pháp nhân tư.
- Bất cập của quy định pháp luật về vấn đề đại diện theo pháp luật.
- Bất cập do thiếu quy định của luật cụ thể điều chỉnh Điều lệ pháp nhân.
- Bất cập của pháp luật liên quan đến cơ cấu tổ chức quản lý của pháp nhân tư.
- Pháp luật quy định về thể thức thông qua quyết định, nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ của pháp nhân tư là không hợp lý.
- Bất cập do không quy định cụ thể về chuyển đổi loại hình và tổ chức lại pháp nhân tư.

2.3.5.3. *Bất cập quy định pháp luật về nội dung Điều lệ pháp nhân hội*

Pháp nhân hội hiện nay chịu sự điều chỉnh của các văn bản luật như: Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội; Nghị định số 45 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội. Trong quá trình xác lập, ban hành, sửa đổi và áp dụng Điều lệ pháp nhân gặp những bất cập sau đây:

- + Bất cập do thiếu Luật điều chỉnh về Hội và điều lệ hội.
- + Thiếu quy định chi tiết điều chỉnh về vốn và tài sản pháp nhân hội.
- + Bất cập do thiếu quy định của pháp luật về điều kiện người đại diện pháp luật pháp nhân hội.

Như vậy, hệ thống pháp luật Việt Nam điều chỉnh về pháp nhân và Điều lệ pháp nhân đang được các nhà làm luật ngày càng hoàn thiện và đáp ứng được thực tế đời sống pháp nhân. Từ đó, pháp luật góp phần thiết lập và nâng cao giá trị pháp lý của Điều lệ pháp nhân, tạo sự bình đẳng giữa các pháp nhân trước pháp luật.

Chương 3

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TÍNH KHẢ THI CỦA ĐIỀU LỆ PHÁP NHÂN

3.1. Thực trạng áp dụng điều lệ pháp nhân

3.1.1. Thực trạng áp dụng điều lệ của pháp nhân công

Pháp nhân công trong bất cứ quốc gia nào đều có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật không hướng tới điều chỉnh theo phân loại pháp nhân công và tư, lợi ích công cộng và lợi ích tư nhân là một bước cản lớn trong quá trình hoàn thiện pháp luật điều chỉnh pháp nhân.

Chính sách của nước ta hiện nay là tư nhân hóa trong các lĩnh vực không trọng yếu, cần nhà nước tham gia tổ chức quản lý. Những pháp nhân công được chuyển đổi, cổ phần hóa, cùng sự điều chỉnh của luật chung.

Thực trạng áp dụng điều lệ trong hoạt động pháp nhân công đang là vấn đề cần các nhà làm luật giải quyết. Nếu phát triển nền kinh tế thị trường toàn diện, pháp nhân phải có được sự bình đẳng trong pháp luật điều chỉnh. Đặc biệt văn bản Điều lệ pháp nhân là "pháp luật" thể hiện đúng đắn điều đó.

3.1.2. Thực trạng áp dụng điều lệ của pháp nhân tư

Trong xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường, pháp nhân tư ngày càng gia tăng về số lượng và quy mô hoạt động. Thành quả đạt được của pháp nhân tư trên mọi lĩnh vực: kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học kỹ thuật... Phạm vi hoạt động được mở rộng vượt qua biên giới.

Quy định pháp luật điều chỉnh pháp nhân tư phải đáp ứng được yêu cầu: tôn trọng quyền tự do ý chí, tự do thỏa thuận của công dân. Pháp luật điều chỉnh mang tầm vĩ mô và tuân thủ quy luật của thị trường, mềm dẻo và linh hoạt.

Qua phân tích về thực trạng áp dụng pháp luật về Điều lệ pháp nhân, ta thấy rằng cần có một cách nhận thức đúng đắn về giá trị pháp lý của Điều lệ pháp nhân. Từ đó, pháp luật mới thực sự là khung pháp lý điều chỉnh pháp nhân toàn diện.

3.1.3. Thực trạng áp dụng điều lệ của pháp nhân hội

Pháp nhân hội là loại hình pháp nhân phổ biến trong xã hội hiện đại. Nó đáp ứng được nhu cầu tự do hội họp của công dân. Đây là một quyền cơ bản của con người. Pháp nhân hội đã đóng góp vai trò rất lớn trong phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước.

Đối với nước ta, pháp nhân hội đã đóng góp vai trò trong giải phóng đất nước và ổn định phát triển xã hội trong thời kỳ đổi mới. Điều chỉnh pháp nhân hội bằng pháp luật phải thỏa mãn yếu tố: tôn trọng quyền tự do lập hội của công dân và phù hợp với chính sách phát triển của Nhà nước.

3.2. Đòi hỏi khách quan giải pháp nâng cao hiệu lực của điều lệ pháp nhân

3.2.1. Đòi hỏi khách quan hội nhập kinh tế quốc tế đối với hệ thống pháp luật trong nước

Hội nhập kinh tế quốc tế là một nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới. Pháp luật của chúng ta cũng nên được xây dựng gần hơn với pháp luật của các nền kinh tế phát triển.

Trong quá trình cải cách thị trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, khai thác các cơ hội thị trường quốc tế để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Việt Nam có quan hệ thương mại với hơn 170 quốc gia, vùng và lãnh thổ, ký hơn 60 hiệp định kinh tế về thương mại song phương và thiết lập quan hệ đầu tư với khoảng trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Như vậy, với tư cách là nguồn để các pháp nhân xây dựng điều lệ, hệ thống pháp luật, cụ thể là Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, luật điều chỉnh tổ chức Hội, luật Hợp tác xã, Luật thương mại, Bộ luật tố tụng dân sự... cần được thống nhất về mặt nội dung và khoa học về kỹ thuật ban hành và đặc biệt là tôn trọng quyền tự quyết của pháp nhân trong xác lập, thông qua và sửa đổi Điều lệ pháp nhân.

3.2.2. Đòi hỏi cần thiết của Điều lệ trong hoạt động pháp nhân

Xuất phát từ bản chất của Điều lệ pháp nhân là một thỏa thuận hợp đồng để cùng hướng tới hình thành một pháp nhân để kiếm tìm lợi ích của từng thể nhân tham gia thành viên. Vậy nên, Điều lệ phải là "con đẻ" của các người sáng lập nên nó.

Hiện nay, với việc ban hành Điều lệ mẫu của cơ quan quản lý nhà nước làm cho pháp nhân trở lên thụ động trong xây dựng Điều lệ cho pháp nhân. Thêm vào đó, tư tưởng còn xem nhẹ của các thành viên sáng lập trong khi xây dựng pháp nhân. Chính vì vậy, nhiều pháp nhân có suy nghĩ có điều lệ cho đủ thủ tục.

Hậu quả của một cam kết tại Điều lệ không phù hợp, thiếu thực tế đã không thể là cơ sở để giải quyết các tranh chấp giữa các thành viên trong công ty, vi phạm của người đại diện không thể kiểm soát, gây hậu quả nghiêm trọng về mặt kinh tế, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và lòng tin của các nhà đầu tư và đối tác.

Thật bất cập và nguy hại nếu các thỏa thuận của các thành viên pháp nhân chỉ là hình thức và không có tính khả thi.

3.2.3. Đòi hỏi khách quan của bên thứ ba cần được pháp luật bảo vệ khi quan hệ với pháp nhân

Người thứ ba trong quan hệ với pháp nhân rất cần được pháp luật bảo vệ. Bởi vậy, các thỏa thuận của các thành viên trong Điều lệ của pháp nhân phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công khai với bên thứ ba khi tham gia giao dịch. Một bản Điều lệ trái luật hoặc không rõ ràng cũng là một ảnh hưởng lớn tới khả năng tìm đối tác, khách hàng của pháp nhân.

3.2.4. Sự cần thiết từ góc độ quản lý nhà nước đối với hoạt động của pháp nhân

Luật Doanh nghiệp 2005 đã thành công, ít nhất là trên phương diện lý thuyết, trong việc tạo ra một mặt bằng pháp lý thống nhất, không có sự phân biệt đối xử cho các mô hình tổ chức kinh doanh thuộc hình thức sở hữu khác nhau.

Luật Doanh nghiệp 2005 ra đời đã tạo ra sân chung cho các loại hình pháp nhân là tổ chức kinh tế. Tuy nhiên, với sự tồn tại của các tổng công ty, các tập đoàn thuộc sở hữu nhà nước và các pháp nhân có vốn góp từ nguồn vốn nhà nước vẫn mang ảnh hưởng cũ. Vậy để tạo sự bình đẳng về quyền và lợi ích giữa các pháp nhân, các thành viên trong pháp nhân thì cần phải có sự công nhận đúng đắn về Điều lệ pháp nhân và các văn bản thỏa thuận của thành viên pháp nhân.

3.3. Phương hướng sửa đổi quy định pháp luật về điều lệ pháp nhân

Qua nghiên cứu, luận văn đề xuất phương hướng sửa đổi quy định pháp luật về Điều lệ pháp nhân bao gồm những điểm sau:

3.3.1. Các nhà làm luật cần quy định rõ về loại hình pháp nhân

3.3.2. Công nhận giá trị pháp lý của việc phê duyệt Điều lệ pháp nhân trong các văn bản luật

3.3.3. Xây dựng đồng bộ và thống nhất quy định về Điều lệ pháp nhân

3.3.4. Xây dựng khung pháp lý cho các doanh nghiệp chưa chuyển đổi

3.3.5. Đảm bảo và tôn trọng quyền tự do thỏa thuận Điều lệ pháp nhân

3.3.6. Xây dựng khung pháp lý đảm bảo sự tự do ý chí, tự chủ trong quản trị và điều hành pháp nhân theo Điều lệ

3.3.7. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin pháp nhân

KẾT LUẬN

Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta sau hơn 20 năm đổi mới là động lực để cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà làm luật tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với tình hình mới. Xây dựng hệ thống quy phạm điều chỉnh pháp nhân, đặc biệt là Điều lệ pháp nhân là một yêu cầu bức thiết hiện nay nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của pháp nhân, quản lý của Nhà nước và bảo vệ lợi ích của bên thứ ba khi giao dịch với pháp nhân.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật về Điều lệ pháp nhân thông qua lý luận và thực tiễn áp dụng là rất bổ ích và thiết thực, góp phần xác định giá trị pháp lý của Điều lệ pháp nhân và nâng cao khả năng áp dụng nó vào hoạt động của pháp nhân. Từ đó, Điều lệ pháp nhân mới thực sự là "xương sống" của việc quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm của pháp nhân.

Thông qua 3 chương của luận văn, tác giả đã trình bày những vấn đề lý luận và thực tiễn xác lập, ban hành, thông qua và sửa đổi Điều lệ pháp nhân, nội dung và thực tiễn áp dụng Điều lệ pháp nhân công, pháp nhân tư và pháp nhân hội. Bên cạnh đó, tác giả đánh giá được những ưu điểm, hạn chế và vướng mắc thực thi các quy định của pháp luật về Điều lệ pháp nhân. Từ đó, các giải pháp được đưa ra nhằm nâng cao hiệu lực áp dụng Điều lệ pháp nhân trong thực tiễn xác lập, thông qua, sửa đổi Điều lệ pháp nhân.

Cũng phải thừa nhận rằng, tiếp cận mảng pháp luật về Điều lệ pháp nhân từ góc độ lý luận và thực tiễn là vấn đề rất khó khăn và hết sức rộng. Mặc dù, đã cố gắng nhưng do khả năng hạn chế về lý luận và thực tiễn nên tác giả luận văn không thể đi sâu phân tích, đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ, khách quan về Điều lệ pháp nhân. Do đó, tác giả hy vọng sẽ được tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề còn lại ở các công trình khoa học khác. Thêm vào đó, luận văn cũng khó tránh khỏi những khiếm khuyết, sai sót về mặt nội dung và hình thức trình bày; vì vậy, tác giả rất mong nhận được các nhận xét, đóng góp của Hội đồng bảo vệ luận văn, của các thầy cô, đồng nghiệp và của bạn đọc để luận văn được hoàn thiện với tiêu chí và chất lượng cao hơn.